

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2531/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi
Di tích khảo cổ quốc gia đặc biệt Hang xóm Trại
và Mái đá làng Vành, tỉnh Phú Thọ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
ĐẾN	
Giờ: 5	Ngày: 20/11/2025

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1676/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Phú Thọ năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Căn cứ Quyết định số 694/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 334/TTr-BVHTTDL ngày 12 tháng 8 năm 2025 và số 449/TTr-BVHTTDL ngày 22 tháng 10 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích khảo cổ quốc gia đặc biệt Hang xóm Trại và Mái đá làng Vành, tỉnh Phú Thọ, với những nội dung sau:

1. Phạm vi, quy mô và ranh giới lập quy hoạch

a) Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính của 08 xã: Ngọc Sơn, Quyết Thắng, Thượng Cốc, Lạc Sơn, Đại Đồng, Yên Phú, Mường Vang và Nhân Nghĩa, tỉnh Phú Thọ, có diện tích khoảng 58.746,19 ha; bao quanh không gian hình thành và phát triển “Văn hóa Hòa Bình” ở Việt Nam và Trung tâm Mường Vang xưa của người Mường.

b) Quy mô lập quy hoạch có diện tích 7,213 ha; bao gồm: Khu vực bảo vệ các di tích đã được khoanh vùng bảo vệ, Khu vực bảo vệ I và Khu vực bảo vệ II của Di tích khảo cổ quốc gia đặc biệt Hang xóm Trại và Mái đá làng Vành (Quyết định số 694/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ) và phần mở rộng của di tích Mái đá làng Vành, cụ thể như sau:

- Khoanh vùng bảo vệ di tích Hang xóm Trại, diện tích 1,55 ha; trong đó: diện tích Khu vực bảo vệ I là 1,34 ha và diện tích Khu vực bảo vệ II là 0,21 ha.

- Khoanh vùng bảo vệ di tích Mái đá làng Vành, diện tích 5,663 ha; trong đó: diện tích Khu vực bảo vệ I là 4,647 ha, diện tích Khu vực bảo vệ II là 0,512 ha và phần diện tích khoảng 0,504 ha dự kiến nghiên cứu mở rộng, bổ sung vào Khu vực bảo vệ II.

c) Ranh giới lập quy hoạch: Là phạm vi ranh giới bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích khảo cổ quốc gia đặc biệt Hang xóm Trại và Mái đá làng Vành, có ranh giới được xác định như sau:

- Khu vực Hang xóm Trại: Phía Bắc giáp đồng Sào; phía Nam giáp đất trồng lúa; phía Đông là khu vực đất hoang và phía Tây giáp xóm Trại.

- Khu vực Mái đá làng Vành: Phía Bắc giáp suối; phía Nam giáp đất ở dân cư xóm Mới; phía Đông giáp đất ở dân cư xóm Húng và phía Tây giáp khu dân cư xóm Mới và đường liên xã.

Quy mô và ranh giới khu vực lập quy hoạch được thể hiện tại bản đồ Phạm vi lập quy hoạch và được xác định cụ thể, chi tiết tại bước tổ chức khảo sát, nghiên cứu lập quy hoạch; bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về sắp xếp đơn vị hành chính.

2. Mục tiêu lập Quy hoạch di tích

a) Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích khảo cổ quốc gia đặc biệt Hang xóm Trại và Mái đá làng Vành; giữ gìn các giá trị văn hóa đặc biệt tiêu biểu của cư dân nền “Văn hóa Hòa Bình”, làm minh chứng cho các thể hệ mai sau về lịch sử phát triển của loài người.

b) Làm cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu, nhận diện giá trị; cơ sở pháp lý cho công tác quản lý, lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai các dự án thành phần về bảo tồn và phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch và văn hóa;

góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân địa phương.

c) Xác định ranh giới khoanh vùng bảo vệ di tích Hang xóm Trại và Mái đá làng Vành làm cơ sở pháp lý để quản lý di tích, xác định các khu chức năng, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và bố trí hạ tầng kỹ thuật phù hợp với các giai đoạn bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

d) Phát huy và khai thác có hiệu quả các giá trị của di tích; đưa di tích trở thành trung tâm nghiên cứu về “Văn hóa Hòa Bình” của khu vực và thế giới, điểm đến du lịch hấp dẫn; điểm trải nghiệm, tham quan văn hóa đặc sắc, tạo nguồn thu, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bảo tồn di tích.

3. Đối tượng nghiên cứu lập quy hoạch di tích

a) Di tích quốc gia đặc biệt Hang xóm Trại và Mái đá làng Vành; gồm: các hang động đá vôi (Hang xóm Trại và mái đá làng Vành) gắn với những dấu tích về đời sống sinh hoạt của cư dân “Văn hóa Hòa Bình” thuộc giai đoạn Hòa Bình giữa (niên đại khoảng 17.000-18.000 BP), cảnh quan, môi trường xung quanh các điểm di tích,...

b) Các giá trị văn hóa phi vật thể đặc sắc gắn với tín ngưỡng thờ đá của người Mường xưa; tín ngưỡng thờ thần Thành Hoàng của vùng Mường Trắng, Mường Vành xưa và lễ Xuống đồng truyền thống của đồng bào dân tộc Mường.

c) Vị trí, vai trò, mối liên hệ của Di tích quốc gia đặc biệt Hang xóm Trại và Mái đá làng Vành với các di tích lân cận và công trình, địa điểm có giá trị khác trên địa bàn.

d) Công tác quản lý, bảo vệ, đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích; hoạt động xây dựng công trình, cơ sở hạ tầng kỹ thuật gắn với việc phát huy giá trị di tích; các yếu tố về kinh tế - xã hội, dân cư, môi trường liên quan tới di tích; các thể chế và chính sách, các quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án có liên quan.

4. Tính chất khu vực lập quy hoạch di tích

Là khu vực Di tích khảo cổ quốc gia đặc biệt; khu vực đại diện tiêu biểu cho nền “Văn hóa Hòa Bình”, một nền văn hóa cổ đã được phát hiện và công nhận về giá trị khoa học ở trong nước, quốc tế; là các địa điểm được đánh giá có tiềm năng phát triển du lịch, được định hướng trở thành điểm tham quan du lịch, trải nghiệm hấp dẫn.

5. Nội dung Nhiệm vụ lập quy hoạch

a) Xác định yêu cầu nghiên cứu, khảo sát, đánh giá hiện trạng di tích; nghiên cứu, đánh giá yếu tố kinh tế - xã hội và môi trường tự nhiên liên quan đến nội dung quy hoạch:

- Kết quả khảo sát, nghiên cứu về đặc điểm, giá trị di tích; giá trị di sản văn hóa phi vật thể và tín ngưỡng, tôn giáo liên quan đến di tích; tài liệu, hiện vật gắn với di tích; tình trạng kỹ thuật, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích; khảo sát đánh giá khả năng triển khai nghiên cứu khảo cổ học (bổ sung) của di tích.

- Kết quả khảo sát, nghiên cứu giá trị về cảnh quan, hệ động, thực vật, hệ thống thủy văn, nước ngầm, đa dạng sinh học gắn với di tích.

- Phân tích, đánh giá các yếu tố môi trường tự nhiên - xã hội tác động tới di tích; hiện trạng về sử dụng đất, cơ sở hạ tầng kỹ thuật của khu vực quy hoạch.

- Phân tích mối liên hệ của di tích được quy hoạch với các di tích khác trong khu vực; các khu, điểm du lịch của tỉnh Phú Thọ và phụ cận.

- Xác định các nội dung kế thừa, điều chỉnh các quy hoạch đã có trong phạm vi lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; phân tích, đánh giá các mối liên hệ về hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật, phát triển đô thị, dân cư nông thôn, cảnh quan và môi trường tổng thể ngoài phạm vi nghiên cứu.

- Đánh giá hiện trạng phát huy giá trị “Văn hóa Hòa Bình” và giá trị văn hóa Mường gắn với di tích Hang xóm Trại và di tích Mái đá làng Vành.

b) Xác định, nhận diện đặc trưng, yếu tố gốc cấu thành di tích, các giá trị tiêu biểu của di tích làm cơ sở bảo tồn và phát huy giá trị di tích:

- Xác định đặc trưng di tích:

+ Là các di tích, di chỉ khảo cổ học được phát hiện đầu tiên mang dấu tích của cư dân “Văn hóa Hòa Bình”, thuộc thời đại Đá, bằng chứng về nguồn gốc của “Văn hóa Hòa Bình” ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á; trung tâm, vùng lõi của “Văn hóa Hòa Bình” ở Việt Nam, trung tâm của đất Mường Vang cổ; vừa là nơi cư trú lâu dài, vừa là xưởng chế tác công cụ của người tiền sử;

+ Là di tích tiêu biểu trong số các di tích của nền “Văn hóa Hòa Bình” được phát hiện ở Hòa Bình (nay là tỉnh Phú Thọ) nói riêng và của Việt Nam nói chung; là hai điểm di tích có tầng văn hóa dày và bộ di vật rất phong phú về công cụ đá, công cụ xương; khu vực chứa tổ hợp các hiện vật đa dạng và phong phú, phản ánh về quá trình phát triển kỹ nghệ đồ đá cuối ở Việt Nam, thông qua các công cụ đá với kỹ nghệ chế tác điêu luyện;

+ Là khu vực còn nhiều tiềm năng nghiên cứu khoa học, khảo cổ học với địa tầng văn hóa gốc bên dưới các khối tảng đá sập lớn; trong các điểm di tích còn ghi nhận những trầm tích kỷ đệ tứ, các tầng văn hóa và dấu tích người Tiền sử, kho mẫu hạt quả nguyên thủy được bảo tồn tại chỗ duy nhất tại Việt Nam;

+ Là các dấu tích có mối quan hệ mật thiết, gắn với các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng của cư dân trong vùng; đồng thời, mang đặc trưng tiêu biểu về không gian phát triển của cư dân nền “Văn hóa Hòa Bình” (không gian núi đá

- hang động - thung lũng - suối nước); khu vực có sự tiếp nối, phát triển gắn với tín ngưỡng cộng đồng có giá trị đặc biệt tiêu biểu: tín ngưỡng thờ Đá, lễ hội xuống đồng...

- Xác định giá trị tiêu biểu của di tích:

+ Giá trị lịch sử: Là nguồn sử liệu lớn đại diện cho một thời kỳ Tiền sử - thời kỳ “Văn hóa Hòa Bình”, một trong những cái nôi của loài người tại Việt Nam và Đông Nam Á; đồng thời, gắn kết với lịch sử của người Mường Hòa Bình;

+ Giá trị văn hóa: Biểu hiện của tín ngưỡng - đời sống tinh thần thuở sơ khai của người Mường (Hang xóm Trại) và địa điểm sinh hoạt lễ hội đặc sắc, tiêu biểu của cộng đồng dân cư dân tộc Mường (Mái đá làng Vành);

+ Giá trị khoa học, khảo cổ: Hệ thống di vật, hiện vật khai quật được đánh giá là phong phú nhất so với các điểm di tích “Văn hoá Hoà Bình” khác ở Việt Nam đã được khai quật; có giá trị cao trong công tác nghiên cứu khoa học và khảo cổ về di tích mang tính đại diện cho nền Văn hoá Hoà Bình;

+ Giá trị du lịch: Là địa điểm có tiềm năng trở thành điểm du lịch nghiên cứu khoa học, trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa - lịch sử đặc sắc, hấp dẫn.

c) Xác định quan điểm về bảo tồn và phát huy giá trị di tích, phát triển du lịch gắn với phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Xác định mục tiêu dài hạn, ngắn hạn của quy hoạch.

d) Xác định các ranh giới liên quan đến khu vực quy hoạch:

- Phân tích, xác định phạm vi nghiên cứu quy hoạch; thống nhất ranh giới, quy mô diện tích khu vực lập quy hoạch.

- Xác định, thống nhất ranh giới khu vực bảo vệ di tích; kiến nghị về việc điều chỉnh mở rộng hoặc thu hẹp khu vực bảo vệ di tích; xác định khu vực cảnh quan thiên nhiên, khu vực hạn chế xây dựng, khu vực xây dựng mới; đề xuất việc xếp hạng bổ sung công trình, địa điểm mới phát hiện.

đ) Đề xuất nội dung về định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích; tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan, xây dựng công trình mới:

- Nội dung định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích:

+ Xác định phạm vi, ranh giới đất mở rộng của di tích trên cơ sở diện tích đất hiện trạng và phân đất mở rộng, phù hợp với các nhu cầu sử dụng và các phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

+ Xác định phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích: các hạng mục kiến trúc gốc tại di tích cần được nghiên cứu, khảo sát, đánh giá mức độ hư hại và những giá trị cần bảo quản gìn giữ, thay thế, để đưa ra phương hướng chung

đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi toàn khu vực quy hoạch; danh mục các đối tượng di tích cần bảo quản, tu bổ, phục hồi và mức độ bảo quản, tu bổ, phục hồi đối với từng hạng mục di tích; nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, trên cơ sở bảo tồn tối đa các thành phần gốc, tuân thủ các quy định trong việc bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo di tích;

+ Đề xuất giải pháp bảo vệ di tích gốc với đặc trưng là di tích khảo cổ;

+ Đề xuất nội dung, biện pháp bảo đảm các yêu cầu về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường từ các dự án, chương trình phát triển kinh tế xã hội trong khu vực quy hoạch di tích, bảo đảm không làm gia tăng nguy cơ rủi ro về môi trường, đặc biệt lưu ý các khu vực có địa hình đồi núi, ngòi, suối, khe tụ thủy...

- Nội dung định hướng tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan và xây dựng công trình mới:

+ Đề xuất phương án tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan khu di tích phù hợp. Lựa chọn địa điểm khu chức năng phát huy giá trị “Văn hóa Hòa Bình” trong phạm vi nghiên cứu phục vụ hội nghị, hội thảo, trưng bày triển lãm và kết nối các di tích khác thuộc không gian “Văn hóa Hòa Bình”;

+ Đề xuất phương án tổ chức không gian phát huy giá trị, hướng tới trở thành trung tâm nghiên cứu về “Văn hóa Hòa Bình” của thế giới; bảo đảm: (i) Liên kết thuận lợi với 02 điểm di tích và các điểm di tích khác trong phạm vi không gian “Văn hóa Hòa Bình”; (ii) Thuận lợi đón các đoàn khách quốc tế tới nghiên cứu, hội thảo; (iii) Thuận lợi tổ chức các sự kiện lớn về “Văn hóa Hòa Bình” cũng như các sự kiện về khảo cổ học khác.

Trong bối cảnh các điểm di tích cách xa nhau; nằm trong khu vực dân cư, đất nông nghiệp khó mở rộng và đặc biệt là đặc trưng không gian rộng lớn, còn nhiều tiềm năng phát hiện các dấu tích khác trong vùng đất Lạc Sơn của “Văn hóa Hòa Bình” (đã được xác định tại phạm vi nghiên cứu); đề xuất nghiên cứu khu vực xã Lạc Sơn (trung tâm của huyện Lạc Sơn trước đây) trở thành là địa điểm phát huy giá trị di tích. Quy mô, vị trí cụ thể của khu vực được xác định trong quá trình lập quy hoạch;

+ Định hướng khai thác các không gian chức năng của di tích; đề xuất giải pháp kết nối không gian giữa di tích với các di tích, điểm tham quan trong khu vực lân cận;

+ Định hướng tổ chức không gian, công trình kiến trúc xây dựng mới trong khu vực quy hoạch và khu vực phụ cận, bảo đảm không ảnh hưởng tới không gian cảnh quan chung;

+ Định hướng về công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và địa chất, địa mạo tại di tích;

+ Đề xuất các giải pháp kiểm soát, quản lý xây dựng và phát triển cho khu vực; nghiên cứu đề xuất quy định chính về độ cao, mật độ xây dựng, hình thức kiến trúc, vật liệu xây dựng, cảnh quan cho từng phân khu; đề xuất giải pháp quy hoạch các công trình trọng điểm, điểm nhấn, các quần thể kiến trúc hoặc tổ hợp kiến trúc - cảnh quan khác;

+ Tổ chức, quy hoạch các khu chức năng, các công trình phụ trợ làm tăng giá trị di tích, tạo điều kiện khai thác du lịch văn hóa, lịch sử của di tích;

+ Rà soát nội dung các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác trên địa bàn không còn phù hợp với việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích hoặc vi phạm, chồng lấn hoặc lấn chiếm khu vực khoanh vùng diện tích đất bảo vệ di tích (Khu vực bảo vệ I và Khu vực bảo vệ II) để đề xuất điều chỉnh quy hoạch đó cho phù hợp (nếu có).

e) Định hướng phát huy giá trị gắn với phát triển du lịch bền vững:

- Gắn di tích với phát triển du lịch, trong đó lấy việc bảo tồn di tích làm nền tảng, phát triển du lịch làm động lực, để tạo điều kiện cho việc bảo tồn và phát huy di tích được bền vững, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng tâm linh của nhân dân khu vực và khách du lịch.

- Nghiên cứu xu hướng, thị hiếu của khách du lịch để phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch, dịch vụ bổ trợ phù hợp. Xây dựng các tuyến du lịch kết nối di tích với các địa danh du lịch khác.

- Xây dựng các loại hình du lịch và đa dạng hóa sản phẩm du lịch gắn với đặc trưng di tích, các sản phẩm hoạt động trải nghiệm gắn với phục dựng bối cảnh “Văn hóa Hòa Bình”; không gian rừng núi thời Tiên sử... Đề xuất các giải pháp phát triển sản phẩm du lịch kết hợp các hoạt động hội nghị, hội thảo, khen thưởng, triển lãm và các sự kiện khác (du lịch MICE) gắn với vai trò trung tâm nghiên cứu quốc tế về “Văn hóa Hòa Bình” của khu vực.

- Nghiên cứu định hướng, giải pháp phát triển sản phẩm du lịch kết nối với các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và khu vực lân cận.

- Nghiên cứu giải pháp bảo đảm phát triển hài hòa với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các xã có liên quan, nhất là cư dân đang sống liền kề di tích, tạo cơ hội cho người dân bản địa tham gia bảo tồn và hưởng lợi từ di tích.

g) Nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nhất là hệ thống giao thông kết nối với di tích. Đề xuất các giải pháp tổ chức giao thông nội bộ khu di tích thuận lợi cho du khách tham quan. Chuẩn bị kỹ thuật, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc, phòng cháy chữa cháy, thoát nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn hợp lý, đầu nối thuận lợi với khu vực xung quanh. Định hướng phát triển hệ thống thông tin liên lạc phục vụ cho các khu chức năng của di tích.

h) Phân tích, dự báo những tác động ảnh hưởng đến môi trường di tích; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch; các giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường khi triển khai thực hiện quy hoạch; lập kế hoạch giám sát về môi trường, về kỹ thuật, về quản lý và quan trắc môi trường.

6. Kế hoạch thực hiện Quy hoạch

- Thời kỳ và tầm nhìn của Quy hoạch: Thời kỳ quy hoạch đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xác định các nhóm dự án thành phần, dự án trọng điểm ưu tiên đầu tư giai đoạn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; là các dự án có ý nghĩa bảo tồn di tích, tạo động lực phát triển kinh tế du lịch, gắn với việc bảo vệ di tích, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cho khu dân cư trong khu vực quy hoạch, bao gồm:

- + Nhóm dự án giải phóng mặt bằng và cấm mốc giới bảo vệ di tích;
- + Nhóm dự án bảo tồn, tu bổ, phục hồi, tôn tạo các hạng mục di tích gốc và xây dựng các công trình phụ trợ phát huy giá trị di tích;
- + Nhóm dự án thăm dò, khai quật khảo cổ;
- + Nhóm dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu di tích;
- + Nhóm dự án bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học;
- + Nhóm dự án nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể liên quan đến các điểm di tích và khu vực quy hoạch;
- + Nhóm dự án phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững;
- + Nhóm dự án về đào tạo, nâng cao nguồn nhân lực quản lý đáp ứng nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị di tích;
- + Nhóm dự án về tuyên truyền ý nghĩa, giá trị của di tích; xây dựng nếp sống văn minh tại di tích.

7. Giải pháp, cơ chế thực hiện Quy hoạch

- Giải pháp thực hiện Quy hoạch: Giải pháp về quản lý Quy hoạch (mô hình quản lý, cơ chế phối hợp liên ngành, cơ chế huy động tham gia của cộng đồng); giải pháp về đầu tư; giải pháp huy động nguồn lực bảo vệ di tích; giải pháp phối hợp liên ngành; giải pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của cộng đồng; giải pháp phát triển nguồn nhân lực quản lý và bảo vệ di tích; ưu tiên bảo tồn, tu bổ, phục hồi, tôn tạo và phát huy giá trị di tích, nhằm nâng cao đời sống Nhân dân trong khu vực di tích.

- Cơ chế thực hiện Quy hoạch: đề xuất cơ chế huy động các nguồn lực, phân bổ nguồn vốn và lộ trình đầu tư, cơ chế quản lý, phối hợp liên ngành, bảo đảm triển khai thành công Quy hoạch...

8. Thành phần Hồ sơ sản phẩm Quy hoạch: Hình thức, quy cách thể hiện thành phần hồ sơ bảo đảm tuân thủ quy định tại Luật Di sản văn hóa năm 2024; quy định tại Điều 18 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trung bày bảo tàng công lập và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Cụ thể:

a) Các văn bản, tài liệu:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch di tích và dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch; Báo cáo thuyết minh quy hoạch di tích;

- Các văn bản thẩm định: Nhiệm vụ lập Quy hoạch, đồ án Quy hoạch di tích; bản tiếp thu, giải trình ý kiến các bộ, ngành, cơ quan và ý kiến của Hội đồng thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, của cộng đồng dân cư tại nơi có di tích và ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Hệ thống bản đồ: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 và các bản vẽ minh họa (nếu có) với tỷ lệ phù hợp.

c) Hồ sơ lưu trữ quy hoạch theo quy định của pháp luật về lưu trữ (bao gồm cả định dạng tài liệu điện tử đối với các thành phần hồ sơ nêu trên).

9. Nguồn vốn đầu tư thực hiện Quy hoạch bao gồm vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước.

10. Thời gian lập quy hoạch: Không quá 24 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ lập Quy hoạch được duyệt (không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt dự toán, đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn, thẩm định, phê duyệt quy hoạch).

11. Phân công trách nhiệm:

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan chủ trì thẩm định và trình duyệt: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ có trách nhiệm:

a) Bố trí nguồn vốn, phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch và các chi phí khác có liên quan đến công tác lập quy hoạch; phân công cơ quan chủ đầu tư; lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành liên quan tổ chức lập, trình phê duyệt đề án quy hoạch theo đúng quy định của Luật Di sản văn hóa và quy định pháp luật liên quan; chịu trách nhiệm và bảo đảm thực hiện nghiêm, đầy đủ quy định về lấy ý kiến cộng đồng, chuyên gia, nhà khoa học và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan tại địa phương trong quá trình tổ chức lập quy hoạch;

c) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan chức năng có liên quan đối với phạm vi, ranh giới quy hoạch đề xuất; về trình tự, thủ tục, tính chính xác, hợp pháp của nội dung, tài liệu, số liệu, thông tin báo cáo, bản đồ tại Hồ sơ trình duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch và trong quá trình tổ chức lập quy hoạch; bảo đảm nội dung các định hướng, đề xuất trong quy hoạch tuân thủ đúng quy định của pháp luật, không hợp pháp hóa các sai phạm (nếu có); phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh Hòa Bình (nay là tỉnh Phú Thọ) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy hoạch có liên quan, bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, kết quả thẩm định hồ sơ Nhiệm vụ lập Quy hoạch; về nội dung đã báo cáo và đề xuất, kiến nghị tại các Tờ trình: số 334/TTr-BVHTTDL ngày 12 tháng 8 năm 2025 và số 449/TTr-BVHTTDL ngày 22 tháng 10 năm 2025;

b) Chủ trì tổ chức thẩm định đề án quy hoạch và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về di sản và pháp luật khác liên quan; giám sát, kiểm tra tiến độ lập quy hoạch, bảo đảm đúng mục tiêu, đúng nội dung, đúng kế hoạch theo Nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt.

3. Các bộ, ngành, cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định hiện hành có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ trong quá trình khảo sát, nghiên cứu, tổ chức lập quy hoạch, bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả, chống lãng phí; phối hợp với Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án quy hoạch theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Quốc phòng;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Phú Thọ;
- Cục Di sản văn hóa (Bộ VH-TT-DL);
- Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia;
- VPCP: BTCN, PCN Đỗ Ngọc Huỳnh, Trợ lý TTg, Thư ký PTTg Mai Văn Chính, TGD Công TTĐT, các Vụ: TH, PL, CN, NN, KTTH, QHĐP;
- Lưu: VT, KGVX (03).

49

